

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/9/2023.

V/v "Ly hôn".

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 555/10/3 Nguyễn Huệ, tổ 1, phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị D, sinh năm 1972; Nơi ĐKNHTT: Số 555/10/3 Nguyễn Huệ, tổ 1, phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Hiện trú tại: Số 306 Lạc Long Q, phường Quang Tr, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI D VU ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Nguyễn Đình Th trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Anh và Chị Bùi Thị D có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/1992. Thời gian đầu chung sống không hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh thường đi làm xa dần đến phát sinh nhiều bất đồng quan điểm sống nên anh đã sống ly thân với chị D từ khoảng năm 2019 cho đến nay. Hiện tại tình cảm của anh đối với chị D đã không còn, không còn muốn chung sống với chị D nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Bùi Thị D để cả hai có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Đình M sinh năm 1994 con chung đã có gia đình riêng nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn Chị Bùi Thị D trình bày:* Tại bản tự khai ngày 10/7/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2023 như sau:

Chị và Anh Nguyễn Đình Th là vợ chồng hợp pháp kết hôn vào ngày 07/11/1992 tại UBND phường Thông N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh Th chỉ hay đi bên ngoài không phụ giúp gì vợ, con. Chị và anh Th không còn sống chung với nhau được khoảng hơn 01 (một) năm nay, trước tết năm 2023 anh Th có về nhà được vài ngày rồi vào trong lại tỉnh Đồng Nai, từ đó đến nay anh Th không gửi tiền về phụ giúp gia đình. Lý do anh Th không còn muốn chung sống với chị là do anh Th có người phụ nữ khác. Anh Th là người phóng khoáng, không biết tiết kiệm, là kiểu người không có trách nhiệm với gia đình, hay tán tỉnh, yêu đương nhiều người phụ nữ. Do đó, chị có nguyện vọng để Tòa án tiến hành hòa giải cho chị và anh Th để biết được anh Th có còn tình cảm với chị không, có muốn hàn gắn gia đình hay không, nếu anh Th vẫn còn tình cảm thì chị sẽ tha thứ cho anh Th.

Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải đoàn tụ cho anh Th và chị D và đã tổng đạt cho chị D nhưng chị D không lên Tòa án để tham gia phiên họp, tại phiên tòa chị D cũng vắng mặt.

* Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Đình Th thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn Chị Bùi Thị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến gì, từ bỏ quyền của mình, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ về “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Anh Nguyễn Đình Th và Chị Bùi Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1992 nên hôn nhân của anh Th, chị D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và anh Th làm đơn xin ly hôn với D, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh Nguyễn Đình Th là có căn cứ.

Anh Nguyễn Đình Th được ly hôn với Chị Bùi Thị D; Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn Chị Bùi Thị D. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Chị Bùi Thị D đã được triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D.

[2] Về quan nội D: Anh Nguyễn Đình Th và Chị Bùi Thị D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum vào ngày 07/11/1992. Do đó quan hệ hôn nhân giữa Anh Nguyễn Đình Th và Chị Bùi Thị D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến nay thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, về tính cách, không còn chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống, hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm, không ai còn quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị D có yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải cho chị và anh Th nhưng các lần Tòa án tiến hành hòa giải chị D đều vắng mặt không lý do, không có tác động gì thể hiện muốn níu giữ hạnh phúc, hàn gắn tình cảm của gia đình, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của anh Th. Việc anh Th không quan tâm đến gia đình và sống ly thân chị D cũng được chị D thừa nhận, mặt khác tại biên bản xác minh với chủ nhà mà chị D đang thuê ở thể hiện chỉ mình chị D thuê trọ từ năm 2022 đến nay, không có anh Th thuê cùng. Tại phiên tòa anh Th cũng xác định không còn tình cảm gì với chị D và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với chị D. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh Th, chị D đã không còn khả năng hàn gắn, không có khả năng hòa giải đoàn tụ gia đình. Hôn nhân đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đơn xin ly hôn của anh Th là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Th, chị D đều thừa nhận có một con chung là Nguyễn Đình Mạnh, sinh năm 1994, con chung đã có gia đình, cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th, chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 27-6-2023 của Anh Nguyễn Đình Th về việc xin “Ly hôn” đối với Chị Bùi Thị D.

1. Về Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình Th được ly hôn với Chị Bùi Thị D.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Đình Th phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số: 0001371 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Anh Th đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/9/2023). Chị D vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày chị D được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tp. KonTum;
- Chi cục THA dân sự tp. KonTum;
- Các đương sự; án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đồng Thị Bình

HĐXX SƠ THẨM – TAND THÀNH PHỐ KON TUM
Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

Trương Duy Cảnh Lê Thị Ngọc Phượng Đồng Thị Bình

HĐXX SƠ THẨM – TAND THÀNH PHỐ KON TUM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ngọc Phượng

Đồng Thị Bình

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tp. KonTum;
- Chi cục THA dân sự tp. KonTum;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Văn Toàn

HĐXX SƠ THẨM – TAND THÀNH PHỐ KON TUM
Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán chủ tọa phiên tòa